

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN GÒ VẤP
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 486/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 24-4-2018

V/v tranh chấp “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Mạnh Cường

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Võ Thành Viên

Bà Nguyễn Thị Lý

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Thành Phong – Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Nghĩa - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 77/2018/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2018 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 131/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Ông Thiều Hồng Q, sinh năm: 1984, địa chỉ cư trú: Đường A, Phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt).

2.Bị đơn: Bà Trần Phương T, sinh năm: 1993, địa chỉ cư trú: Đường D, Phường E, quận F, Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 22/12/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn: Ông Q trình bày: Vào ngày 24/7/2016, ông và bà T có tổ chức lễ thành hôn và sống chung tại Đường A, Phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng do bận nhiều việc nên chưa đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống vẫn còn một số việc giữa ông và bà T chưa thống nhất được, mâu thuẫn diễn ra thường xuyên. Từ tháng 10/2016 đến nay, ông và bà T không còn sống chung tại Đường A, Phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh nữa nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ giữa ông với bà T là vợ chồng.

Về con chung: Ông Q xác định không có.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn: Bà T trình bày: Bà và ông Q sống chung với nhau không đăng ký kết hôn đúng như lời ông Q trình bày. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do cuộc sống không hòa hợp. Do hạnh phúc không đạt được nên bà đồng ý giải quyết ly hôn theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Bà T xác định không có.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Các đương sự xác định đã cung cấp đầy đủ chứng cứ cho Tòa án; không còn cung cấp thêm chứng cứ nào khác.

Tại phiên tòa, ông Q vẫn giữ yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ giữa ông với bà T là vợ chồng; về con chung: Không có; về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà T đồng ý theo yêu cầu của ông Q, yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn theo quy định của pháp luật; về con chung: Không có; về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử như sau:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Thẩm phán đã chấp hành đúng và đầy đủ nội dung quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 trong quá trình giải quyết vụ án.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về phiên tòa sơ thẩm.

Về chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên: Không công nhận vợ chồng giữa ông Thiệu Hồng Q và bà Trần Phương T; về con chung: Không có; về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về vụ án, Tòa án nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án: Đây là vụ án tranh chấp “Ly hôn” theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án

thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn cư trú tại số: Đường D, Phường E, quận F, Thành phố Hồ Chí Minh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Xét yêu cầu của các đương sự: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Q thấy rằng. Căn cứ vào biên bản xác minh ngày 30/3/2018 tại Ủy ban nhân dân phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh và các hình ảnh chụp đám cưới do ông Q cung cấp cùng với lời thừa nhận của bà T thể hiện giữa ông Q và bà T có tổ chức đám cưới.

Về yêu cầu xin ly hôn của ông Q xét thấy ông Q và bà T sống chung với nhau từ ngày 24/7/2016 nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Như vậy quan hệ hôn nhân giữa ông Q và bà T không được công nhận là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Nay ông Q yêu cầu giải quyết ly hôn với bà T và bà T cũng đồng ý với yêu cầu của ông Q nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, không công nhận quan hệ giữa ông Q và bà T là quan hệ vợ chồng.

Về con chung: Ông Q và bà T xác định không có.

Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông Q phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5, Điều 21, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Luật thi hành án dân sự năm 2008;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không công nhận quan hệ giữa ông Thiệu Hồng Q và bà Trần Phương T là quan hệ vợ chồng.

Về con chung: Ông Q và bà T xác định không có.

Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

2. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông Q phải chịu 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm ngàn)

đồng ông Q đã nộp theo biên lai thu số: AA/2017/0028397 ngày 11/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp. Ông Q đã nộp xong án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Chi cục thi hành án dân sự cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trần Mạnh Cường

